

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các Điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của ông **Trương Võ Phú M** và bà **Phạm Thị Thủy N**.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc yêu cầu ly hôn của ông **Trương Võ Phú M**;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải sau đây:

\* *Người khởi kiện:* Ông **Trương Võ Phú M**, sinh năm 1992

Địa chỉ: **Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa**

\* *Người bị kiện:* Bà **Phạm Thị Thủy N**, sinh năm 1994

Địa chỉ: **Thôn C, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa**

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2023 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31 tháng 8 năm 2023, cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông **Trương Võ Phú M** và bà **Phạm Thị Thủy N** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Trương Võ Phú M** và bà **Phạm Thị Thủy N** có 01 con chung là **Trương Phú H**, sinh ngày 10/01/2020. Sau khi ly hôn, bà **Phạm Thị Thủy N** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông **Trương**

**Võ Phú M** cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông **Trương Võ Phú M** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, ông **M**, bà **N** có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông **Trương Võ Phú M** và bà **Phạm Thị Thủy N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung Ông **Trương Võ Phú M** và bà **Phạm Thị Thủy N** xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Kể từ ngày bà **Phạm Thị Thủy N** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông **Trương Võ Phú M** không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nói trên thì hàng tháng ông **M** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Thị M1**